TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:15/2018/HS-ST
Ngày 16-03-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thiên Nga

Các Hội thẩm Tòa án nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tập và ông Thái Quang Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Kiều Oanh, chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 03 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST- HS ngày 01 tháng 03 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Minh H(Tên gọi khác: Không); sinh ngày 07 tháng 7 năm 1993 tại Quảng Ninh; Nơi cư trú: Tổ 19, khu 6, phường T, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Con ông Nguyễn Tất T (Đã chết) và bà Nguyễn Thị Phương Thủy A(Đã chết); Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không; tiền sự: 01; tạm giữ ngày 15-12-2017; tạm giam từ ngày 18-12-2017 tại Nhà tạm giữ Công an TP. Uông Bí, thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" ngày 23/02/2018, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Anh Nguyễn Hữu D(Tên gọi khác: Không); sinh năm: 1983; trú tại: Tổ 34, khu 9, phường T, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Xuân Đ (Tên gọi khác: Không); sinh năm: 1957; trú tại: Tổ 6, khu L, phường Đ, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

-N*gười làm chứng:*

Chị Nguyễn Thị T1 (Tên gọi khác: Không); sinh năm: 1979; Địa chỉ: Tổ 34 , Khu 9, phường T, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt tại phiên tòa.

Anh Nguyễn Tiến T2 (Tên gọi khác: Không); sinh năm: 1991; Địa chỉ: Tổ 28 , Khu 8, phường T, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt tại phiên tòa.

Chị Nguyễn Thị Thu H (Tên gọi khác: Không); sinh năm: 1979; Địa chỉ: Tổ 28 ,Khu 8 ,phường T, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 04/12/2017, Nguyễn Minh H sang nhà anh Nguyễn Hữu D, sinh năm 1983, trú tại tổ 34, khu 9, phường T, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh (là hàng xóm của H) hỏi mượn của anh D chiếc xe moto hiệu Honda WaveRS biển kiểm soát 14P2-5760 để đi đón em gái ruột đang học tại trường THPT T, thành phố B. Anh D đồng ý và giao chiếc xe trên cho H. H điều khiển chiếc xe này đi đón em gái. Trên đường đi, H nhớ ra: lúc sáng em gái H đi học bằng xe đạp. Do vậy, H điều khiển chiếc xe trên đi chơi. Khoảng 15 giờ cùng ngày, H nảy sinh ý định cầm cố xe để lấy tiền tiêu xài và nghĩ rằng phải có giấy đăng ký xe mới có thể cầm cố xe được. H điện thoại cho anh D, nói dối là xe đang bị Cảnh sát giao thông giữ, cần mượn giấy tờ xe để lấy xe về. Anh D đồng ý và hẹn H đến khoảng 17 giờ cùng ngày đi làm về sẽ đưa giấy tờ xe. H ngồi tại một quán điện tử chơi đến giờ hẹn thì đi xe ôm đến lấy giấy đăng ký xe của anh D rồi đi đến một quán nước ven đường thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh thì gặp bạn có tên là H1 (không rõ địa chỉ cụ thể). H đã cầm cố chiếc xe này cho H1 với giá 4.500.000đ rồi sử dụng số tiền này mua thẻ nạp tiền điện thoại để chơi game trực tuyến và thua hết số tiền trên. Sau đó H gọi điện cho bạn là Nguyễn Tiến Th hỏi chỗ cầm cố xe và vay anh Th số tiền 4.500.000đ. Anh Th mang tiền đến quán điện tử gặp H thì H cầm tiền đi đến quán nước lúc trước gặp H1 và trả cho H1 4.500.000đ rồi lấy xe về. Sau đó Hnhờ Th chỉ chỗ cầm cố xe. Anh Th đã dẫn H đến nhà ông Phạm Xuân Đ ở khu L, phường Đ, thành phố B. H nói đó là xe của H và đưa giấy đăng ký xe nên ông Đ đã nhận cầm cố chiếc xe trên cho H với giá 6.000.000đ, không viết giấy cầm đồ. H trả anh Th số tiền 4.500.000đ, cho anh Th 100.000đ. Số tiền còn lại, H tiếp tục mua thẻ nạp điện thoại chơi game trực tuyến hết.

Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, anh D gọi điện hỏi thì H nói dối là do hết giờ làm việc, Công an hẹn ngày mai trả xe. Ngày 05/12/2017, anh D liên lạc với H nhưng không được. Đến ngày 07/12/2017, H sang nhà anh D thừa nhận đã cầm cố xe của anh D và xin thời gian để kiếm tiền chuộc xe. Anh D yêu cầu Hưng mau chóng chuộc xe trả lại để đi làm. Đến ngày 09/12/2017, H và em gái đến gặp dì ruột là chị Nguyễn Thị Thu H vay số tiền 4.500.000đ để đi chuộc xe nhưng sau đó H lại cầm số tiền trên đi tiêu xài cá nhân hết. Do không thấy H trả xe và không gặp, không liên lạc được với H, đến ngày 11/12/2017, anh D có đơn trình báo Công an (bút lục số 90 -111).

Quá trình điều tra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Xuân Đ khai: Ông không hoạt động kinh doanh cầm đồ và cũng không có đăng ký

kinh doanh dịch vụ này với cơ quan nhà nước. Ngày 04/12/2017 bị cáo H đến nhà ông nhờ ông cầm cố chiếc xe máy vì có giấy tờ nên ông nhận cầm giữ xe mô tô trên của bị cáo H với số tiền là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) không viết giấy tờ gì. Ông không biết xe mô tô ấy là do bị cáo H phạm tội mà có. Ngày 14/12/2017, ông Điệu đã tự nguyện giao nộp lại chiếc xe trên cùng giấy đăng ký xe cho Cơ quan điều tra và bị Công an thành phố Uông Bí ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Ông có yêu cầu bị cáo H phải hoàn trả cho ông 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

Ngày 15/12/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh đã ra Quyết định trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự định giá đối với chiếc xe mô tô hiệu Honda WaveRS biển kiểm soát 14P2-5760, số máy: HC09E- 6431979, số khung: HC09076Y431913 đã qua sử dụng. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 110, ngày 15/12/2017, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Uông Bí kết luận: Xe mô tô biển kiểm soát 14P2-5760 đã qua sử dụng trị giá 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Minh H thừa nhận hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản đối với anh Nguyễn Hữu D phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

Tại Cáo trạng số 21/CT-VKSUB -QN ngày 05/02/2018, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí đã truy tố Nguyễn Minh H về tội ***"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"***, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Minh H theo bản Cáo trạng. Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh H phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" đồng thời áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Minh H với mức hình phạt từ 6 đến 9 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi những ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2017 đến 23/02/2018.

Tịch thu phát mại sung Ngân sách nhà nước 01 (Một) điện thoại di động không rõ nhãn hiệu, gắn 01 sim, số IMEI 357328010159113; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; buộc bị cáo phải hoàn trả ông Phạm Xuân Đ 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

Tại lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Những người làm chứng là chị Nguyễn Thị Thanh V; anh Nguyễn Tiến Th; chị Nguyễn Thị Thu H có lời khai phù hợp với bị cáo, người bị hại về toàn bộ nội dung sự việc như đã nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về việc định tội: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án: Kết luận định giá tài sản, quyết định xử lý vật chứng, biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu, bản ảnh vật chứng vụ án, thấy đã có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 04/12/2017, tại tổ 34, khu 9, phường T, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Minh H có hành vi mượn chiếc xe mô tô hiệu Honda WaveRS biển kiểm soát 14P2-5760 của anh Nguyễn Hữu D có trị giá 8.000.000đ (Tám triệu đồng) rồi nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã nói dối anh Dũng để mượn giấy đăng ký xe rồi mang cầm cố cho ông Phạm Văn Đ để lấy số tiền 6000.000đ (Sáu triệu đồng) tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Vì vậy Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí truy tố bị cáo và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở pháp luật.

Điều 140 Bộ luật hình sự 1999 qui định: 1. *Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ một triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới một triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:*

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó.

Điều 175 Bộ luật hình sự 2015 qui định: *1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật hình sự, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại hoặc tài sản có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả…

Đối chiếu với qui định của hai Bộ luật nêu trên thì thấy: Khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 có mức khởi điểm của khung hình phạt cao hơn

so với khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 về cùng một tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Theo qui định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm c khoản 1 điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội thì các quy định không có lợi cho người phạm tội của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì không áp dụng đối với những hành vi phạm tội xẩy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 mà sau thời điểm đó mới bị xét xử.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Do vậy cần cần phải xử lý nghiêm bị cáo nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[2] Xét về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Năm 2010, bị cáo bị xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" đã xóa án tích, tuy không coi đó là tiền án nhưng điều đó thể hiện bị cáo là người có nhân thân xấu. Tháng 9/2015 bị Công an thành phố Uông Bí xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và đánh bạc, hiện chưa thi hành. Tuy nhiên HĐXX cũng xem xét quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bản thân hiện nay là lao động chính trong gia đình, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ vào tính chất và mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để bị cáo sửa chữa lỗi lầm của bản thân.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000^{đ} (Mười triệu đồng) đến 100.000.000^{đ} (Một trăm triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người không có nghề nghiệp, không có thu nhập, kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản thu hồi đã trả người bị hại, người bị hại không yêu cầu bồi thường. Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng) bị cáo nhận tiền cầm cố tài sản của ông Phạm Xuân Đ là là tiền do bị cáo phạm tội mà có. Nay ông Phạm Xuân Đ yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại cho mình nên bị cáo phải hoàn trả lại cho ông Điệu số tiền trên theo qui định của pháp luật.

[5] Về xử lý vật chứng: Vật chứng trong vụ án là 01 (Một) điện thoại di động không rõ nhãn hiệu, loại bàn phím bấm màu trắng bạc vàng nhạt, bên trong có lắp sim số 01228357579, số IMEI 357328010159113 là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước.

[6] Đối với anh Nguyễn Tiến Th có hành vi dẫn H đi cầm cố xe nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không có cơ sở xử lý trách nhiệm hình sự. Ông Phạm Xuân Đ là người không có đăng ký kinh doanh dịch vụ cầm

đồ nhưng nhận cầm cố tài sản mà không biết là tài sản do phạm tội mà có, chưa đến mức chịu trách nhiệm hình sự, Công an Uông Bí đã xử phạt vi phạm hành chính.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an thành phố Uông Bí, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Từ nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điểm a Khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Được sửa đổi bổ sung theo luật số: 37/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc Hội); khoản 3 Điều 7; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 (Được sửa đổi bổ sung theo luật số: 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 357, 468, 584, 585, 586 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh H phạm tội: "***Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản***".

2. Xử phạt Nguyễn Minh H 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi những ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2017 đến 23/02/2018 là 71 (Bảy mươi mốt) ngày.

3. Buộc bị cáo Nguyễn Minh H phải hoàn trả cho ông Phạm Xuân Đ số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng). Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật ông Đ có đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan thi hành án có quyết định thi hành, nếu bị cáo chậm trả thì bị cáo phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi xuất qui định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh thanh toán, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có qui định khác.

4.Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 (Một) điện thoại di động không rõ nhãn hiệu, loại bàn phím bấm màu trắng bạc vàng nhạt, bên trong có lắp sim số 01228357579, số IMEI 357328010159113 là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội (Tình trạng và đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 09 tháng 02 năm 2018 giữa Công an thành phố Uông Bí và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh).

5. Buộc bị cáo Nguyễn Minh H phải nộp 200.000^{đ} (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

6. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết ./.

Nơi nhận:
- Bị cáo.
- Tòa án ND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện KSND TP. Uông Bí;
- Công an TP. Uông Bí;
- Chi cục THA DS TP. Uông Bí;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh.
- Lưu hồ sơ, VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thiên Nga